TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/8/2025.
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Thành Đô.
Bà Nguyễn Thị Lê.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Đồng Nai.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai tham gia phiên toà*:** Bà Dương Hoài Thảo.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân Khu vực A – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Viết T, sinh năm 1997. Số CCCD: 038097021720. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Chu Thị NG, sinh năm 1999. Số CCCD: 070199005834. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn t, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Viết T trình bày:***

Anh và chị Chu Thị NG tự nguyện tìm hiểu, T tới quan hệ hôn nhân từ năm 2018; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do tính cách mỗi người một khác, cách ứng xử và các công việc gia đình; đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho

đến nay. Quá trình sống ly thân chúng tôi không còn ai muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị NG.

Về con chung: Anh và chị NG có 01 con chung tên là Lê Quốc TR, sinh ngày 09/12/2018. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị NG là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chúng các bên thống nhất để chị NG là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn chị Chu Thị NG quá trình giải quyết vụ án trình bày:*** Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa hai bên và xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay là đúng. Chị bổ sung thêm về nguyên nhân mâu thuẫn là do liên quan đến các công việc gia đình, cách ứng xử với nhau. Quá trình sống ly thân không còn ai muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, chị đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh T.

Xác nhận chị và anh T có 01 con chung tên là Lê Quốc TR, sinh ngày 09/12/2018, từ khi sống ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Các bên đã tự trao đổi thống nhất để chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao cho chị NG được nuôi dưỡng con chung; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy các bên thống nhất được với nhau tất cả các nội dung tranh chấp trong vụ án nhưng không tham gia làm việc và phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở ghi nhận, mà cần xét xử theo quy định, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên tự nguyện tìm hiểu T tới hôn nhân, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 08/8/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Các bên thừa nhận sau khi kết hôn thì xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do không thống nhất được các công việc gia đình, cách ứng xử với nhau; đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Các bên đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

- Về con chung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và lời khai đương sự thể hiện có 01 con chung là Lê Quốc TR, sinh ngày 09/12/2018. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị NG là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Các bên thống nhất để chị NG là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích của con chưa thành niên, cần thiết giao con chung cho chị NG nuôi dưỡng, các bên có quyền thăm nom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng là phù hợp.

Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng A năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Anh Lê Viết T được ly hôn với chị Chu Thị NG.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã L)

2. Về con chung: Giao con chung Lê Quốc TR, sinh ngày 09/12/2018 cho chị Chu Thị NG trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Lê Viết T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009825 ngày 30/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực A – Đồng Nai).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực A;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - VP.

(Số lượng: 10 bản)

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình